

Số: 154/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 166/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Đức Trung T, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Các đương sự đã tự thỏa thuận như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Đức Trung T và bà Nguyễn Thị T1 thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Ông Lê Đức Trung T và bà Nguyễn Thị T1, xác định có hai con chung là cháu Lê Đức Bảo H, sinh ngày 09/4/2013 và Lê Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 09/01/2019. Ly hôn, ông T và bà T1 thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con như sau: Bà Nguyễn Thị T1 là người trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Lê Nguyễn Hoàng M sinh ngày 09/01/2019, ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Lê Đức Bảo H sinh ngày 09/4/2013 cho đến khi lần lượt từng con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T cấp dưỡng nuôi con Lê Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 09/01/2019 mỗi tháng 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu đầu từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông Lê Đức Trung T và bà Nguyễn Thị T1 xác nhận không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Lê Đức Trung T và bà Nguyễn Thị T1 xác nhận không có nợ chung.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Lê Đức Trung T và bà Nguyễn Thị T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông T và bà T1 đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0002541 ngày 18/3/2026. Ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Đức Trung T và bà Nguyễn Thị T1 thuận tình ly hôn.

2. *Về quan hệ con chung:*

Giao con chung là cháu Lê Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 09/01/2019 cho bà Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Lê Đức Bảo H, sinh ngày 09/4/2013 cho ông Lê Đức Trung T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T cấp dưỡng nuôi con Lê Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 09/01/2019 mỗi tháng 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu đầu từ tháng 4/2026 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Bà T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung*: Không có.

4. *Về nợ chung*: Không có.

II. *Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng*, ông Lê Đức Trung T và bà Nguyễn Thị T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền lệ phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông T và bà T1 đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0002541 ngày 18/3/2026. Ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng;
- UBND phường Thanh Khê Tây cũ nay
là phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng
(Đăng ký kết hôn số 135/2013 ngày 08/11/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

Nguyễn Thế Anh